

Bản án số: **64/2024/DS-PT**
Ngày: 19-4-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hòa.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Thái

Ông Nguyễn Lê Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
bà Võ Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 42/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn 3, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

Bị đơn: 1/ Bà Phạm Thị Kim H- sinh năm 1980;

2/ Ông Lê Thành T- sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Do có kháng cáo của bà Phạm Thị H – Bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2023, biên bản lấy lời khai đề ngày 26/10/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà T có quen biết nên cho vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Lê Thanh T vay tiền nhiều lần để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, hứa sẽ trả nợ đầy đủ, cụ thể với số tiền và thời gian vay như sau:

Ngày 26/12/2021 vay 30.000.000 đồng; đến ngày 03/03/2022 vay 100.000.000 đồng; ngày 12/12/2022 vay 30.000.000 đồng; ngày 26/4/2023 vay 30.000.000 đồng, tổng cộng 04 lần vay là 190.000.000 đồng. Các lần vay tiền đều có lập giấy vay tiền. Khi cho vay mặc dù không thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng rất nhiều lần bà T yêu cầu nhưng vợ chồng Bà H, ông T không trả nợ gốc và lãi.

Do đó bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Bà H, ông T trả tiền nợ vay là 190.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng bà Phạm Thị H - ông Lê Thanh T bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Vợ chồng Bà H, ông T xác nhận do có mối quan hệ quen biết nên trong khoảng thời gian từ ngày 26/12/2021 đến ngày 26/4/2023 có vay tiền của bà T nhiều lần cụ thể như sau:

Ngày 26/12/2021 vay 30.000.000 đồng; đến ngày 03/03/2022 vay 100.000.000 đồng; ngày 12/12/2022 vay 30.000.000 đồng; ngày 26/4/2023 vay 30.000.000 đồng, tổng cộng 04 lần vay là 190.000.000 đồng. Các lần vay đều có lập giấy vay tiền, ký tên xác nhận. Các khoản vay của bà T đều có thỏa thuận lãi là 30%/năm mục đích vay tiền là đưa cho bà Võ Thị A vay lại để hưởng chênh lệch lãi suất. Quá trình vay tiền, năm 2022 bà Hà có trả cho bà T được 36.000.000 đồng và năm 2023 trả được 84.000.000 đồng, tổng cộng 120.000.000 đồng, số tiền còn lại do đến nay bà A chưa trả nợ nên vợ chồng Bà H, ông T không trả nợ được cho bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn vợ chồng bà Phạm Thị H và ông Lê Thanh T: Buộc vợ chồng bà Phạm Thị H và ông Lê Thanh T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền nợ vay là: 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng).

Ngoài ra còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, bị đơn bà Phạm Thị H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 106.000.000 đồng, số tiền lãi 84.000.000 đồng bà H đã trả thì trừ vào tiền gốc; vì số tiền này bà H đưa cho bà A mượn nên khi nào bà A trả cho bà H thì bà sẽ trả cho bà T và không đồng ý chịu tiền án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng do vợ chồng bà H cũng bị người khác chiếm đoạt tiền nên chia sẻ khó khăn và tạo điều kiện cho vợ chồng bà H có điều kiện trả nợ nên giảm cho vợ chồng bà H số tiền 20.000.000 đồng; yêu cầu vợ chồng bà H phải trả cho bà số tiền gốc là 170.000.000 đồng.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Phạm Thị H cung cấp được một số chứng từ chuyển khoản ngân hàng cho bà Phạm Thị T, đồng thời tại phiên tòa bà T đồng ý giảm số 20.000.000 đồng và chỉ yêu cầu vợ chồng bà H phải trả số tiền gốc là 170.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn trừ số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn theo các chứng từ chuyển khoản ngân hàng mà bị đơn đã cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đơn kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H làm trong thời hạn luật định, nộp tạm ứng án phí đúng thời gian quy định. Nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng: Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đưa đầy đủ những người tham gia tố tụng. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 106.000.000 đồng, số tiền lãi 84.000.000 đồng bà H đã trả thì trừ vào tiền gốc; vì số tiền này bà H đưa cho bà A mượn nên khi nào bà A trả cho bà H thì bà sẽ trả cho bà T và không đồng ý chịu án phí, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về nợ gốc: Căn cứ vào 04 giấy vay tiền đề ngày 26/12/2021, ngày 03/3/2022, ngày 12/12/2022 và ngày 26/4/2023; các biên bản lấy lời khai và lời trình bày tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận về việc vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Lê Thanh T có vay của bà Phạm Thị T 04 lần với tổng số tiền gốc là 190.000.000 đồng, không xác định thời hạn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự đã thừa nhận nên việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn là có thật, không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về lãi suất:

Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày do là chỗ quen biết nên cho vợ chồng bị đơn mượn tiền và không tính lãi nhưng thi thoảng bị đơn cho nguyên đơn một ít tiền để uống sữa, tổng số tiền bị đơn đã gửi cho nguyên đơn là 15.000.000 đồng (chia thành nhiều lần). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị T trình bày để chia sẻ khó khăn và tạo điều kiện cho vợ chồng bà Hà trả nợ nên bà T tự nguyện giảm bớt số tiền gốc là 20.000.000 đồng và chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 170.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn kháng cáo bị đơn bà

Phạm Thị H cho rằng bà với bà T thuận vay số tiền trên với lãi suất là 3%/tháng và trong năm 2023 đã trả cho bà Phạm Thị T số tiền lãi là 84.000.000 đồng nên yêu cầu trừ vào số tiền gốc. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phạm Thị H chỉ cung cấp được các chứng từ chuyển khoản thông qua ngân hàng với tổng số tiền là 22.000.000 đồng cho bà Phạm Thị T. Hội đồng xét xử, xét thấy do nguyên đơn khai quá trình vay mượn không tính lãi nên số tiền bà H đã chuyển để trả lãi cho nguyên đơn được cân trừ vào số tiền gốc, với tổng số tiền là 22.000.000 đồng theo các chứng từ chuyển khoản mà bị đơn cung cấp.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ: Vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Lê Thanh T cho rằng toàn bộ số tiền vay của bà Phạm Thị T, vợ chồng bà Hà cho bà Võ Thị A vay lại để hưởng chênh lệch lãi suất. Hiện nay, bà Võ Thị A vỡ nợ, bỏ trốn và bà H đã làm đơn tố cáo gửi Công an đề nghị giải quyết nên khi nào bà A trả nợ thì vợ chồng bà H sẽ trả cho bà T. Hội đồng xét xử, xét thấy việc vợ chồng bà H thỏa thuận cho bà A vay lại số tiền này không liên quan đến bà T. Nếu giữa vợ chồng bà H và bà A phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ việc khác. Do đó, căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự thì vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Lê Thanh T phải có nghĩa vụ trả đủ số tiền vay theo quy định.

[3] Từ phân tích trên, nhận thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử phúc thẩm bị đơn đã cung cấp được các chứng từ chuyển khoản cho nguyên đơn với tổng số tiền lãi là 22.000.000 đồng; đây là tình tiết mới, phát sinh trong quá trình xét xử phúc thẩm. Do đó, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DSST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh vì lý do khách quan.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

[5.1] Án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên cấp phúc thẩm sửa lại án phí cho phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể: Bà Võ Thị H và ông Lê Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 168.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm phải nộp là 168.000.000 đồng x 5% = 8.400.000 đồng.

Bà Phạm Thị H kháng cáo không đồng ý trả án phí sơ thẩm. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp*

toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận". Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định nên kháng cáo của bà H không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Hà được chấp nhận một phần nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2023/ DS- ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; các Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 466; Điều 466; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Buộc bà Phạm Thị H và ông Lê Thanh T phải liên đới trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T số tiền 168.000.000 (*Một trăm sáu mươi tám triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn bù khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị H và ông Lê Thanh T phải nộp 8.400.000 (*Tám triệu bốn trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị H không phải chịu án phúc thẩm nên hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005634 ngày 12/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh cho bà Hà.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19/4/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Tánh Linh;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Hòa